

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUÁT

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên học phần (tiếng Việt): Thuế

Tên học phần (tiếng Anh): Tax

Mã học phần: 0101005955

Mã tự quản: 12202081

Thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Đơn vị phụ trách: Bộ môn tài chính – Khoa tài chính kế toán

Số tín chỉ: 3 (2,1,6)

Phân bố thời gian:

– Tổng số tiết : 120 tiết

– Số tiết lý thuyết : 30 tiết

– Số tiết thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 30 tiết

– Số tiết tự học : 120 tiết

Điều kiện tham gia học tập học phần:

– Học phần tiên quyết: Không

– Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

– Học phần song hành: Không

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT [1]	Họ và tên [2]	Email [3]	Đơn vị công tác [4]
1.	Ths. Trần Thị Thanh Thu	thuttt@hufi.edu.vn	Khoa TCKT - HUFI
2.	Ths. Hoàng Đình Dũng	dinhdung1976@yahoo.com.vn	Khoa TCKT - HUFI
3.	Ths. Bùi Nguyên Khá	khanguyenqn@gmail.com	Khoa TCKT - HUFI
4.	Ths. Lê Trương Niệm	niemlt@hufi.edu.vn	Khoa TCKT - HUFI

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Thuế cung cấp những kiến thức cơ bản về thuế và nội dung các luật thuế hiện hành tại Việt Nam như: Thuế Xuất khẩu - Nhập khẩu (XNK), Thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), Thuế Giá trị gia tăng (GTGT), Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) và các thuế khác: Thuế môn bài (MB), Thuế tài nguyên (TN), Thuế bảo vệ môi trường (BVMT), Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN), Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN) và quản lý thuế. Với những kiến thức đã học, sinh viên có kỹ năng để xác định được đối tượng chịu thuế, không chịu thuế, phương

pháp tính thuế, thuế suất, miễn thuế, giảm thuế, hoàn và khấu trừ thuế và tính toán được các loại thuế phải nộp. Đồng thời đáp ứng được mức độ tự chủ đối với người học trong tính toán các loại thuế phải nộp cũng như tuân thủ pháp luật và tinh thần hợp tác của người học trong học tập và vận dụng các nghiệp vụ về Thuế.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo [3]	Trình độ năng lực [4]
G1	Hiểu và có kiến thức về những nội dung cơ bản của luật thuế: XNK, TTĐB, GTGT, TNDN, TNCN và các thuế khác cũng như quản lý thuế. Đồng thời biết yêu cầu thực tiễn và vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết, cung cấp thông tin liên quan đến thuế theo đúng quy định pháp luật thuế.	PLO1.1 PLO1.2 PLO4.3	2 2 3
G2	Phân tích và xác định được đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, căn cứ tính thuế và các phương pháp tính thuế, thuế suất, miễn thuế, giảm thuế, hoàn và khấu trừ thuế và tính toán được các loại thuế phải nộp. Đồng thời xử lý được các tình huống về thuế để người sử dụng đưa ra các quyết định liên quan đến thuế theo đúng quy định pháp luật thuế.	PLO 6.1 PLO 8.3	3 3
G3	Hiểu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các quy định của pháp luật về thuế để làm việc độc lập và theo nhóm một cách khoa học và hiệu quả cao. Biết tự tìm hiểu, tự định hướng và cập nhật kiến thức về thuế để nâng cao năng lực chuyên môn, kịp thời thích ứng với những thay đổi của pháp luật thuế.	PLO 13.1 PLO 14.1	3 2

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra (CDR) chi tiết của học phần (*) như sau:

Mục tiêu học phần [1]	CDR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
G1	CLO1.1	Hiểu và có kiến thức về thuế, những nội dung cơ bản của luật thuế: XNK, TTĐB, GTGT, TNDN, TNCN và các thuế khác cũng như quản lý thuế.	2
	CLO1.2	Biết yêu cầu thực tiễn và nhận diện được đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, căn cứ tính thuế và các phương pháp tính thuế, thuế suất, miễn thuế, giảm thuế, hoàn và khấu trừ thuế để cung cấp thông tin trong quá trình xác định thuế phải nộp theo đúng quy	2

Mục tiêu học phần [1]	CDR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
		định pháp luật về thuế.	
	CLO1.3	Vận dụng các kiến thức về thuế để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến thuế.	3
G2	CLO2.1	Phân tích và xác định được đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, căn cứ tính thuế và các phương pháp tính thuế, thuế suất, miễn thuế, giảm thuế, hoàn và khấu trừ thuế.	3
	CLO2.2	Tính toán được số tiền được hoàn thuế, được khấu trừ và số tiền thuế phải nộp.	3
	CLO2.3	Xử lý các tình huống về thuế để người sử dụng đưa ra các quyết định liên quan đến thuế theo đúng quy định pháp luật thuế.	3
G3	CLO3.1	Hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật về thuế, làm việc độc lập, hợp tác theo nhóm một cách khoa học và có hiệu quả cao trong nghiệp vụ thuế.	3
	CLO3.2	Biết tự tìm hiểu và cập nhật kiến thức liên quan đến thuế để nâng cao năng lực chuyên môn, và điều chỉnh để thích nghi với sự thay đổi của chính sách thuế.	2

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

6.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	TN/TH	Tự học
1.	Chương 1: Tổng Quan Về Thuế	CLO1.1	9	3	0	6
2.	Chương 2: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	27	3	6	18
3.	Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	27	3	6	18

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	TN/TH	Tự học
		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2				
4.	Chương 4: Thuế giá trị gia tăng	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	36	6	6	24
5.	Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	36	6	6	24
6.	Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	27	3	6	18
7.	Chương 7: Quản lý thuế	CLO1.1 CLO1.3 CLO2.3	9	3	0	6

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	TN/TH	Tự học
		CLO3.1 CLO3.2				
8.	Chương 8: Thuế Khác	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	9	3	0	6
Tổng			180	30	30	120

6.2. Nội dung chi tiết của học phần

Chương : Tổng Quan Về Thuế

1.1. Khái niệm, bản chất và đặc trưng của thuế

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Bản chất

1.1.3. Các đặc trưng của thuế

1.2. Chức năng của thuế

1.2.1. Chức năng đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước

1.2.2. Chức năng phân phối và phân phối lại

1.2.3. Chức năng điều tiết nền kinh tế

1.3. Các yếu tố cơ bản hợp thành luật thuế

1.3.1. Khái niệm hệ thống thuế

1.3.2. Các yếu tố cơ bản của luật thuế

1.4. Hệ thống thuế Việt Nam hiện hành

1.5. Tổ chức quản lý thuế hiện nay

Chương 2: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Vai trò

2.2. Nội dung cơ bản của luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

- 2.2.1. Đối tượng chịu thuế
- 2.2.2. Đối tượng không chịu thuế
- 2.2.3. Đối tượng nộp thuế
- 2.2.4. Căn cứ tính thuế
- 2.2.5. kê khai thuế, thời hạn nộp thuế
- 2.2.6. Miễn, giảm, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Chương 3. Thuế tiêu thụ đặc biệt

- 3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Đặc điểm
 - 3.1.3. Vai trò
- 3.2. Nội dung của luật thuế tiêu thụ đặc biệt
 - 3.2.1. Đối tượng chịu thuế
 - 3.2.2. Đối tượng không chịu thuế
 - 3.2.3. Đối tượng nộp thuế
 - 3.2.4. Phương pháp tính thuế
 - 3.2.5. Thuế suất
 - 3.2.6. kê khai nộp thuế, hoàn thuế, khấu trừ và giảm thuế

Chương 4: Thuế giá trị gia tăng

- 4.1. Tổng quan về thuế GTGT
 - 4.1.1. Khái niệm
 - 4.1.2. Đặc điểm
 - 4.1.3. Vai trò
- 4.2. Nội dung của thuế GTGT
 - 4.2.1. Đối tượng chịu thuế GTGT
 - 4.2.2. Đối tượng không chịu thuế GTGT
 - 4.2.3. Đối tượng nộp thuế GTGT
 - 4.2.4. Căn cứ tính thuế GTGT
 - 4.2.5. Phương pháp tính thuế GTGT
 - 4.2.6. Khấu trừ thuế GTGT
 - 4.2.7. Hoàn thuế GTGT
 - 4.2.8. Nộp thuế

Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp

- 5.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò
 - 5.1.1. Khái niệm
 - 5.1.2. Đặc điểm
 - 5.1.3. Vai trò
- 5.2. Nội dung cơ bản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp
 - 5.2.1. Đối tượng nộp thuế
 - 5.2.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế
 - 5.2.3. Doanh thu
 - 5.2.4. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế
 - 5.2.5. Thu nhập khác
 - 5.2.6. Thu nhập được miễn Thuế
 - 5.2.7. Các khoản lỗ được kết chuyển
 - 5.2.8. Trích lập quỹ khoa học và công nghệ
 - 5.2.9. Thuế suất
 - 5.2.10. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chứng khoán
 - 5.2.11. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản
 - 5.2.12. Giảm thuế
 - 5.2.13. Kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế

Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân

- 6.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò
 - 6.1.1. Khái niệm
 - 6.1.2. Đặc điểm
 - 6.1.3. Vai trò
- 6.2. Nội dung của luật Thuế thu nhập cá nhân
 - 6.2.1. Người nộp thuế
 - 6.2.2. Đối tượng chịu thuế
 - 6.2.3. Các khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế
 - 6.2.4. Phương pháp tính thuế
 - 6.2.5. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế
 - 6.2.6. Xử lý vi phạm

Chương 7. Quản lý thuế

- 7.1. Tổng quan về Quản lý thuế
 - 7.1.1. Khái niệm

- 7.1.2. Công cụ quản lý thuế
- 7.1.3. Phương pháp quản lý thuế
- 7.2. Những nội dung chính của quản lý thuế ở Việt Nam
 - 7.2.1. Cách tính thời hạn để thực hiện thủ tục hành chính thuế
 - 7.2.2. Nguyên tắc tính thuế, khai thuế
 - 7.2.3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế
 - 7.2.4. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế
 - 7.2.5. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế
 - 7.2.6. Khai thuế giá trị gia tăng
 - 7.2.7. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp
 - 7.2.8. Khai thuế tiêu thụ đặc biệt
 - 7.2.9. Khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân
 - 7.2.10. Ấn định thuế đối với trường hợp người nộp thuế nộp thuế theo phương pháp kê khai vi phạm pháp luật thuế
 - 7.2.11. Nộp thuế
 - 7.2.12. Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Chương 8: Thuế Khác

- 8.1. Thuế Môn Bài
 - 8.1.1. Khái niệm
 - 8.1.2. Đối tượng nộp lệ phí môn bài
 - 8.1.3. Mức thu lệ phí môn bài
 - 8.1.3.1. Đối với tổ chức
 - 8.1.3.2. Đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình
 - 8.1.3.3. Các trường hợp khác
- 8.2. Thuế Tài Nguyên
 - 8.2.1. Khái niệm
 - 8.2.2. Đối tượng nộp thuế
 - 8.2.3. Đối tượng chịu thuế
 - 8.2.4. Căn cứ tính thuế
 - 8.2.5. Giá tính thuế
 - 8.2.6. Thuế suất
- 8.3. Thuế Bảo Vệ Môi Trường
 - 8.3.1. Khái niệm

- 8.3.2. Đối tượng chịu thuế
- 8.3.3. Căn cứ tính thuế
- 8.4. Thuế Sử Dụng Đất Nông Nghiệp
 - 8.4.1. Khái niệm
 - 8.4.2. Đối tượng chịu thuế
 - 8.4.3. Đối tượng không chịu thuế
 - 8.4.4. Căn cứ tính thuế
- 8.5. Thuế Sử Dụng Đất Phi Nông Nghiệp
 - 8.5.1. Khái niệm
 - 8.5.2. Đối tượng chịu thuế
 - 8.5.3. Đối tượng không chịu thuế
 - 8.5.4. Thuế suất
 - 8.5.5. Phương pháp tính thuế

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm đánh giá: 10/10
- Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
Quá trình			30%	
Chuyên cần	Trong suốt quá trình học		10%	Rubric I.1
Bài tập nhóm	Chương 2 Chương 3 Chương 4 Chương 5 Chương 6	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	10%	Rubric I.2 Rubric I.6 Rubric I.7
	Bài kiểm tra cá nhân (tự luận)	Kết thúc chương 6 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1		10%
Thi cuối kỳ			70%	
Nội dung bao quát tất cả các chương của học phần (từ chương 1 đến chương 8)	Sau khi kết thúc học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1		Theo thang điểm của đề thi

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
		CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2		

8. NGUỒN HỌC LIỆU

8.1. Sách, giáo trình chính

[1] Bùi Hồng Điệp (2019), Giáo trình Thuế, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Lê Quang Cường, Nguyễn Kim Quyên (2016), Giáo trình Thuế I, NXB Kinh tế TP.HCM.

[2] Nguyễn Ngọc Hùng, Tôn Thất Cảnh Hòa, Nguyễn Kim Quyên, Đặng Thị Bạch Vân (2012), Giáo trình quản lý Thuế (Thuế 2), NXB Kinh tế Tp.HCM.

[3]. Nguyễn Thị Mỹ Linh (2012), Thuế: Lý thuyết-Bài tập-Bài giải, NXB Kinh tế TPHCM

[4] Khúc Đình Nam (2012), Thuế : Hệ thống văn bản pháp luật - Câu hỏi trắc nghiệm (Lý thuyết, Bài tập) có đáp án - Bài tập giải mẫu-Bài tập thực hành có đáp số, NXB Lao Động.

[5] Võ Văn Nhị (2012), Nguyên Lý Kế Toán, NXB Phương Đông.

[6] Hà Đăng (2017), Các văn bản hướng dẫn thi hành về Thuế Giá trị gia tăng-Tiêu thụ đặc biệt-Thu nhập doanh nghiệp-Thuế tài nguyên, NXB Dân Trí.

8.3. Phần mềm

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên có nhiệm vụ:

- Tham dự trên 75% giờ học lý thuyết;
- Chủ động lên kế hoạch học tập:
 - Ôn tập các nội dung đã học;
 - Làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên
 - Soạn bài mới theo đề cương đã gửi trên Google Classroom;
- Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận trên lớp
- Dự kiểm tra đầy đủ trên lớp và thi cuối học phần

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng đề cương: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng từ khóa 11
- Giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này là cơ sở để xây dựng đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;
- Sinh viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;
- Đề cương học phần tổng quát được ban hành kèm theo chương trình đào tạo và công bố đến các bên liên quan theo quy định.

11. PHÊ DUYỆT

Phê duyệt lần đầu

Phê duyệt bản cập nhật lần thứ:

Ngày phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Chủ nhiệm học phần

PGS.TS Trần Phước

ThS. Phạm Thị Kim Ánh

ThS. Trần Thị Thanh Thu